

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 158/TTr-SCT ngày 12 tháng 4 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Thay thế Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thứ tự số 1, 2 Phần V Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Công Thương tỉnh An Giang;

- Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh An Giang, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- TT. UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Phước**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI  
QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH AN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của  
Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)*

**1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương /Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện**

|                           |   |          |                  |
|---------------------------|---|----------|------------------|
| <b>SỞ CÔNG<br/>THƯƠNG</b> | <b>QUY TRÌNH</b>  | Mã hiệu: | QTNB-<br>ATTP01  |
|                           | Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương /Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện | Ngày BH  | ...../...../20.. |

**MỤC LỤC**

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| <b>Trách nhiệm</b> | <b>Soạn thảo</b>   | <b>Xem xét</b>      | <b>Phê duyệt</b> |
|--------------------|--------------------|---------------------|------------------|
| <b>Họ tên</b>      |                    |                     |                  |
| <b>Chữ ký</b>      |                    |                     |                  |
| <b>Chức vụ</b>     | <b>Chuyên viên</b> | <b>Trưởng phòng</b> | <b>Giám đốc</b>  |

## SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

| Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung | Trang / Phần liên quan việc sửa đổi | Mô tả nội dung sửa đổi  | Lần ban hành / Lần sửa đổi | Ngày ban hành |
|--------------------------|-------------------------------------|---|----------------------------|---------------|
| Thời hạn giải quyết      | 3                                   | <p>- Nội dung đã được công bố tại Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020: Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.</p> <p>- Nội dung được công bố sau sửa đổi: Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 25 ngày làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).</p> | 2                          |               |

### 1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương /Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện.

### 2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương /Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện.

### 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

### 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- ATTP: An toàn thực phẩm.

### 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

|     |                |
|-----|----------------|
| 5.1 | Cơ sở pháp lý: |
|-----|----------------|

|     |  |
|-----|--|
|     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</li> </ul>  |
| 5.2 | <p><b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:</b></p> <p>a) Điều kiện chung</p> <p>1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:<br/> Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:</p> <p>a) Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm;</p> <p>b) Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:<br/> Thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.</p> <p>c) Đối tượng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:<br/> Thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.”</p> <p>b) Điều kiện riêng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:</li> <li>+ Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>+ Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;</li> </ul> |

|            |  |                  |                |
|------------|--|------------------|----------------|
|            | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>+ Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>+ Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;</li> <li>+ Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;</li> <li>- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.</li> <li>- Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT;</li> <li>- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.</li> </ul> |                  |                |
| <b>5.3</b> | <b>Thành phần hồ sơ</b>  | <b>Bản chính</b> | <b>Bản sao</b> |
| 5.3.1      | Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  | x                |                |
| 5.3.2      | Bảo sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.  | x                |                |
| 5.3.3      | Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến  | x                | x              |

|            |  |                    |                        |  |
|------------|--|--------------------|------------------------|--|
|            | điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;  |                    |                        |  |
| 5.3.4      | Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;   |                    |                        | x  |
| 5.3.5      | Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của cơ sở.  |                    |                        | x  |
| 5.3.6      | Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.   |                    |                        | x  |
| <b>5.4</b> | <b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ   |                    |                        |  |
| <b>5.5</b> | <b>Thời gian xử lý:</b> 25 ngày (200 giờ) làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).   |                    |                        |  |
| <b>5.6</b> | <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b><br>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang.<br>- Qua dịch vụ bưu chính.<br>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a> (nếu đủ điều kiện áp dụng). |                    |                        |  |
| <b>5.7</b> | <b>Lệ phí:</b> Theo quy định của Bộ Tài chính.   |                    |                        |  |
| <b>5.8</b> | <b>Quy trình xử lý công việc:</b>  |                    |                        |  |
| <b>TT</b>  | <b>Trình tự</b>  | <b>Trách nhiệm</b> | <b>Thời gian</b>       | <b>Kết quả</b>   |
| Bước 1     | Nơi nộp hồ sơ  | Tổ chức/ cá nhân   | Giờ hành chính đối với | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm PVHCC hoặc qua dịch vụ |

|        |                          |                 |                      |  |
|--------|--------------------------|-----------------|----------------------|--|
|        |                          |                 | nộp hồ sơ trực tiếp. | bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.  |
| Bước 2 | Trung tâm Phục vụ HCC    | CB Tiếp nhận    | 04 giờ               | Kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ:<br>- Tiếp nhận hồ sơ (bản số/bản giấy).<br>- In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.<br>- Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn (bản giấy/bản số).   |
| Bước 3 | Phòng QLCN               | Lãnh đạo Phòng  | 24 giờ               | - Duyệt hồ sơ.<br>- Chuyển Chuyên viên xử lý.  |
|        |                          | Chuyên viên     | 120 giờ              | - Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ (bản giấy/ bản số).<br>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.<br>- Có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có). Nếu không nộp bổ sung hồ sơ thì tiến hành trả hồ sơ.<br>- Dự thảo, in Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.<br>- Trình lãnh đạo Phòng duyệt hồ sơ.<br>- Lưu trữ hồ sơ. |
|        |                          | Lãnh đạo Phòng  | 24 giờ               | - Ký duyệt hồ sơ.<br>- Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.  |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở Công Thương  | Ban Giám đốc Sở | 24 giờ               | - Phê duyệt Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.  |
| Bước 5 | Văn phòng Sở Công Thương | CB Văn thư      | 04 giờ               | - Đóng dấu văn bản.<br>- Quét ký số.<br>- Gửi kết quả TTPVHCC.   |



|        |                       |              |  |
|--------|-----------------------|--------------|--|
| Bước 6 | Trung tâm Phục vụ HCC | CB Tiếp nhận | - Yêu cầu tổ chức/cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính.<br>- Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân. |
|--------|-----------------------|--------------|--|

## 6. BIỂU MẪU

| TT | Mã hiệu    | Tên biểu mẫu  |
|----|------------|---|
| 1  | Mẫu số 01a | Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.   |
| 2  | Mẫu số 02a | Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a đối với cơ sở sản xuất Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.   |
| 3  | Mẫu số 02b | Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02b đối với cơ sở kinh doanh Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. |
| 4  | Mẫu số 04  | Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.  |

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

| TT | Tài liệu trong hồ sơ                                  |
|----|---|
| 1  | Các hồ sơ như mục 5.3                                 |
| 2  | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. |
| 3  | Sổ theo dõi.  |

Hồ sơ được lưu tại phòng Quản lý Công nghiệp, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Địa danh, ngày.....tháng.....năm 20....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp): .....

Địa điểm tại: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm): .....

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
- Cơ sở kinh doanh<sup>1,2</sup>
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm (tên cơ sở)

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

**Hồ sơ gửi kèm gồm:**

- 
- 
- 
- 

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

(1): Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

(2): Danh sách nhóm sản phẩm

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI***(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)*

| STT | Tên cơ sở thuộc chuỗi | Địa chỉ | Thời hạn GCN | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------|--------------|---------|
| 1   |                       |         |              |         |
| 2   |                       |         |              |         |
| 3   |                       |         |              |         |

**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM***(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)*

| STT       | Tên nhóm sản phẩm   | Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận |
|-----------|---|--|
| <b>I</b>  | <b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</b>   |  |
| 1         | Nước uống đóng chai   |  |
| 2         | Nước khoáng thiên nhiên   |  |
| 3         | Thực phẩm chức năng   |  |
| 4         | Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng                                    |  |
| 5         | Phụ gia thực phẩm   |  |
| 6         | Hương liệu thực phẩm  |  |
| 7         | Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm  |  |
| 8         | Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)  |  |
| 9         | Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |  |
| <b>II</b> | <b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>                                |  |
| 1         | Ngũ cốc   |  |

|            |  |  |
|------------|--|--|
| 2          | Thịt và các sản phẩm từ thịt   |  |
| 3          | Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)  |  |
| 4          | Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả  |  |
| 5          | Trứng và các sản phẩm từ trứng   |  |
| 6          | Sữa tươi nguyên liệu   |  |
| 7          | Mật ong và các sản phẩm từ mật ong   |  |
| 8          | Thực phẩm biến đổi gen   |  |
| 9          | Muối   |  |
| 10         | Gia vị   |  |
| 11         | Đường  |  |
| 12         | Chè  |  |
| 13         | Cà phê   |  |
| 14         | Ca cao   |  |
| 15         | Hạt tiêu   |  |
| 16         | Điều   |  |
| 17         | Nông sản thực phẩm khác  |  |
| 18         | Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |  |
| <b>III</b> | <b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</b>   |  |
| 1          | Bia  |  |
| 2          | Rượu, Cồn và đồ uống có cồn  |  |
| 3          | Nước giải khát   |  |
| 4          | Sữa chế biến   |  |
| 5          | Dầu thực vật   |  |
| 6          | Bột, tinh bột  |  |
| 7          | Bánh, mứt, kẹo   |  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất ..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

| TT       | Tên trang, thiết bị                    | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|--|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt  | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ hiện có</b> |          |  |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất       |          |  |            |     |         |
| 2        | Dụng cụ bao gói sản phẩm               |          |  |            |     |         |

|   |  |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|--|
| 3   | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm                                   |  |  |  |  |  |
| 4   | Thiết bị bảo quản thực phẩm  |  |  |  |  |  |
| 5   | Thiết bị khử trùng, thanh trùng                                      |  |  |  |  |  |
| 6   | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ                                      |  |  |  |  |  |
| 7   | Thiết bị giám sát  |  |  |  |  |  |
| 8   | Phương tiện rửa và khử trùng tay                                     |  |  |  |  |  |
| 9   | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu                                      |  |  |  |  |  |
| 10  | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại        |  |  |  |  |  |
| 11  | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm |  |  |  |  |  |
| <b>II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b> |  |  |  |  |  |  |
| 1   |  |  |  |  |  |  |
| 2   |  |  |  |  |  |  |
| 3   |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20....*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh:.....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm): .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

| TT       | Tên trang, thiết bị                                | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|---|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt                                     | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b> |          |   |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm          |          |   |            |     |         |
| 2        | Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm               |          |   |            |     |         |

|           |  |  |  |  |  |  |
|-----------|--|--|--|--|--|--|
| 3         | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm                  |  |  |  |  |  |
| 4         | Dụng cụ rửa và sát trùng tay                                 |  |  |  |  |  |
| 5         | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ                              |  |  |  |  |  |
| 6         | Trang bị bảo hộ  |  |  |  |  |  |
| 7         | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 8         | Dụng cụ, thiết bị giám sát                                   |  |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>                       |  |  |  |  |  |
| 1         |  |  |  |  |  |  |
| 2         |  |  |  |  |  |  |
| 3         |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở: .....
2. Địa chỉ cơ sở: .....
3. Số điện thoại:..... Fax:.....
- Email:.....

**II. TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

| TT | Lỗi theo kết luận kiểm tra<br>ngày... tháng.... năm ....<br>của ..... | Nguyên<br>nhân sai lỗi | Biện pháp<br>khắc phục | Kết quả |
|----|---|------------------------|------------------------|---------|
| 1  |   |                        |                        |         |
| 2  |   |                        |                        |         |
| 3  |   |                        |                        |         |
|    |   |                        |                        |         |

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện**

|                       |  |          |                  |
|-----------------------|--|----------|------------------|
| <b>SỞ CÔNG THƯƠNG</b> | <b>QUY TRÌNH</b>   | Mã hiệu: | QTNB-ATTP02      |
|                       | Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện | Ngày BH  | ...../...../20.. |

**MỤC LỤC**

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

| Trách nhiệm | Soạn thảo   | Xem xét      | Phê duyệt |
|-------------|-------------|--------------|-----------|
| Họ tên      |             |              |           |
| Chữ ký      |             |              |           |
| Chức vụ     | Chuyên viên | Trưởng phòng | Giám đốc  |

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

| Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung | Trang / Phần liên | Mô tả nội dung sửa đổi | Lần ban hành / Lần sửa đổi | Ngày ban hành |
|--------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------|---------------|
|                          |                   |                        |                            |               |

|                     |                              |   |   |  |
|---------------------|------------------------------|---|---|--|
|                     | <b>quan việc<br/>sửa đổi</b> |   |   |  |
| Thời hạn giải quyết | 3                            | <p>- <b>Nội dung đã được công bố tại Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28/02/2020:</b> Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.</p> <p>- <b>Nội dung được công bố sau sửa đổi:</b> Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 25 ngày làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).</p> | 2 |  |

## 1. MỤC ĐÍCH

- Quy định trình tự Tiếp nhận và trả kết quả Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện.

## 2. PHẠM VI

- Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin về Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- *Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015*

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- ATTP: An toàn thực phẩm.

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

|            |   |
|------------|---|
| <b>5.1</b> | <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;</li> </ul> |
|------------|---|

|     |   |
|-----|---|
|     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</li> </ul>   |
| 5.2 | <p><b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng</li> <li>- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</li> <li>- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</li> <li>- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</li> </ul> <p>a) Điều kiện chung</p> <p>1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:<br/> Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:</p> <p>a) Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm;</p> <p>b) Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:<br/> Thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.</p> <p>c) Đối tượng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:<br/> Thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.”</p> |

|              |   |                  |                |
|--------------|---|------------------|----------------|
|              | <p>b) Điều kiện riêng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:</li> <li>+ Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>+ Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>+ Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>+ Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>+ Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;</li> <li>+ Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;</li> <li>+ Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.</li> <li>- Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;</li> <li>- Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.</li> </ul> |                  |                |
| <b>5.3</b>   | <b>Thành phần hồ sơ</b>   | <b>Bản chính</b> | <b>Bản sao</b> |
| <b>5.3.1</b> | <b>Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng</b>  |                  |                |
| 5.3.1.1      | Đơn đề nghị cấp lại.  | x                |                |
| <b>5.3.2</b> | <b>Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</b>  |                  |                |
| 5.3.2.1      | Đơn đề nghị cấp lại;  | x                |                |
| 5.3.2.2      | Bảo sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;   |                  | x              |
| 5.3.2.3      | Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;   | x                | x              |
| 5.3.2.4      | Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;  | x                | x              |

|              |   |   |   |
|--------------|---|---|---|
| 5.3.2.5      | Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của cơ sở.   | x | x |
| <b>5.3.3</b> | <b>Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</b>  |   |   |
| 5.3.3.1      | Đơn đề nghị cấp lại;  | x |   |
| 5.3.3.2      | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);   |   | x |
| 5.3.3.3      | Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.  | x | x |
| <b>5.3.4</b> | <b>Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</b>  |   |   |
| 5.3.4.1      | Đơn đề nghị cấp lại;  | x |   |
| 5.3.4.2      | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);   |   | x |
| 5.3.4.3      | Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).  | x | x |
| <b>5.4</b>   | <b>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b>  |   |   |
| <b>5.5</b>   | <p><b>Thời gian xử lý:</b></p> <p>a) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng<br/>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</p> <p>b) Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực<br/>Trong thời gian 25 ngày làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)</p> <p>c) Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất; mặt hàng kinh doanh<br/>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.</p> |   |   |

|              |   |                    |   |  |
|--------------|---|--------------------|---|--|
|              | d) Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh<br>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.   |                    |   |  |
| <b>5.6</b>   | <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b><br>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang.<br>- Qua dịch vụ bưu chính.<br>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a> (nếu đủ điều kiện áp dụng).                                      |                    |   |  |
| <b>5.7</b>   | <b>Lệ phí:</b> Theo quy định của Bộ Tài chính.  |                    |   |  |
| <b>5.8</b>   | <b>Quy trình xử lý công việc:</b>   |                    |   |  |
| <b>5.8.1</b> | <b>Quy trình xử lý công việc: 25 ngày (200 giờ) làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)</b><br><i>(Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)</i> |                    |   |  |
| <b>TT</b>    | <b>Trình tự</b>   | <b>Trách nhiệm</b> | <b>Thời gian</b>                            | <b>Kết quả</b>   |
| Bước 1       | Nơi nộp hồ sơ   | Tổ chức/ cá nhân   | Giờ hành chính đối với nộp hồ sơ trực tiếp. | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm PVHCC hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.   |
| Bước 2       | Trung tâm Phục vụ HCC   | CB Tiếp nhận       | 04 giờ                                      | Kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ:<br>- Tiếp nhận hồ sơ (bản số/bản giấy).<br>- In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.<br>- Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn (bản giấy/bản số). |
| Bước 3       | Phòng QLCN  | Lãnh đạo Phòng     | 24 giờ                                      | - Duyệt hồ sơ.<br>- Chuyển Chuyên viên xử lý.  |
|              |   | Chuyên viên        | 120 giờ                                     | - Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ (bản giấy/ bản số).<br>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.<br>- Có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có). Nếu  |

|              |  |                    |   |  |
|--------------|--|--------------------|---|--|
|              |  |                    |   | không nộp bổ sung hồ sơ thì tiến hành trả hồ sơ.<br>- Dự thảo, in Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.<br>- Trình lãnh đạo Phòng duyệt hồ sơ.<br>- Lưu trữ hồ sơ. |
|              |  | Lãnh đạo Phòng     | 24 giờ                                      | - Ký duyệt hồ sơ.<br>- Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.  |
| Bước 4       | Lãnh đạo Sở Công Thương  | Ban Giám đốc Sở    | 24 giờ                                      | - Phê duyệt Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.  |
| Bước 5       | Văn phòng Sở Công Thương   | CB Văn thư         | 04 giờ                                      | - Đóng dấu văn bản.<br>- Quét ký số.<br>- Gửi kết quả TTPVHCC.   |
| Bước 6       | Trung tâm Phục vụ HCC  | CB Tiếp nhận       |   | - Yêu cầu tổ chức/cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính.<br>- Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân.   |
| <b>5.8.2</b> | <p><b>Quy trình xử lý công việc: 03 ngày (24 giờ) làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)</b></p> <p>a) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng;</p> <p>b) Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh;</p> <p>c) Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh.</p> |                    |   |  |
| <b>TT</b>    | <b>Trình tự</b>  | <b>Trách nhiệm</b> | <b>Thời gian</b>                            | <b>Kết quả</b>   |
| Bước 1       | Nơi nộp hồ sơ  | Tổ chức/ cá nhân   | Giờ hành chính đối với nộp hồ sơ trực tiếp. | - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm PVHCC hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.   |
| Bước 2       | Trung tâm Phục vụ HCC  | CB Tiếp nhận       | 04 giờ                                      | Kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ:   |



|        |                          |                 |        |  |
|--------|--------------------------|-----------------|--------|--|
|        |                          |                 |        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận hồ sơ (bản số/bản giấy).</li> <li>- In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ đến phòng chuyên môn (bản giấy/bản số).</li> </ul>   |
| Bước 3 | Phòng QLCN               | Lãnh đạo Phòng  | 04 giờ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duyệt hồ sơ.</li> <li>- Chuyển Chuyên viên xử lý.</li> </ul>  |
|        |                          | Chuyên viên     | 04 giờ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ (bản giấy/ bản số).</li> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có). Nếu không nộp bổ sung hồ sơ thì tiến hành trả hồ sơ.</li> <li>- Dự thảo, in Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.</li> <li>- Trình lãnh đạo Phòng duyệt hồ sơ.</li> <li>- Lưu trữ hồ sơ.</li> </ul> |
|        |                          | Lãnh đạo Phòng  | 04 giờ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký duyệt hồ sơ.</li> <li>- Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> </ul>  |
| Bước 4 | Lãnh đạo Sở Công Thương  | Ban Giám đốc Sở | 04 giờ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.</li> </ul>  |
| Bước 5 | Văn phòng Sở Công Thương | CB Văn thư      | 04 giờ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng dấu văn bản.</li> <li>- Quét ký số.</li> <li>- Gửi kết quả TTPVHCC.</li> </ul>   |
| Bước 6 | Trung tâm Phục vụ HCC    | CB Tiếp nhận    |        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu tổ chức/cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có).</li> <li>- Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân.</li> </ul>  |

## 6. BIỂU MẪU

| <b>TT</b> | <b>Mã hiệu</b> | <b>Tên biểu mẫu</b>   |
|-----------|----------------|---|
| <b>1</b>  | Mẫu số 01b     | Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.   |
| <b>2</b>  | Mẫu số 02a     | Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a đối với cơ sở sản xuất Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.   |
| <b>3</b>  | Mẫu số 02b     | Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02b đối với cơ sở kinh doanh Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. |
| <b>4</b>  | Mẫu số 04      | Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.  |

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

| <b>TT</b> | <b>Tài liệu trong hồ sơ</b>                           |
|-----------|---|
| <b>1</b>  | Các hồ sơ như mục 5.3                                 |
| <b>2</b>  | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. |
| <b>3</b>  | Sổ theo dõi.  |

Hồ sơ được lưu tại phòng Quản lý Công nghiệp, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở..... đề nghị quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số.....ngày cấp

.....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các khoản 2 Điều 12 của Nghị định này):

.....

Đề nghị quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất ..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

| TT       | Tên trang, thiết bị                    | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|--|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt  | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ hiện có</b> |          |  |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất       |          |  |            |     |         |
| 2        | Dụng cụ bao gói sản phẩm               |          |  |            |     |         |

|           |  |  |  |  |  |  |
|-----------|--|--|--|--|--|--|
| 3         | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm                                   |  |  |  |  |  |
| 4         | Thiết bị bảo quản thực phẩm  |  |  |  |  |  |
| 5         | Thiết bị khử trùng, thanh trùng                                      |  |  |  |  |  |
| 6         | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ                                      |  |  |  |  |  |
| 7         | Thiết bị giám sát  |  |  |  |  |  |
| 8         | Phương tiện rửa và khử trùng tay                                     |  |  |  |  |  |
| 9         | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu                                      |  |  |  |  |  |
| 10        | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại        |  |  |  |  |  |
| 11        | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm |  |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>                       |  |  |  |  |  |
| 1         |  |  |  |  |  |  |
| 2         |  |  |  |  |  |  |
| 3         |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20....*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh:.....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm): .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

| TT       | Tên trang, thiết bị                                | Số lượng | Thực trạng hoạt động của trang thiết bị |            |     | Ghi chú |
|----------|--|----------|---|------------|-----|---------|
|          |  |          | Tốt                                     | Trung bình | Kém |         |
| <b>I</b> | <b>Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b> |          |   |            |     |         |
| 1        | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm          |          |   |            |     |         |
| 2        | Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm               |          |   |            |     |         |

|           |  |  |  |  |  |  |
|-----------|--|--|--|--|--|--|
| 3         | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm                  |  |  |  |  |  |
| 4         | Dụng cụ rửa và sát trùng tay                                 |  |  |  |  |  |
| 5         | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ                              |  |  |  |  |  |
| 6         | Trang bị bảo hộ  |  |  |  |  |  |
| 7         | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 8         | Dụng cụ, thiết bị giám sát                                   |  |  |  |  |  |
| <b>II</b> | <b>Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>                       |  |  |  |  |  |
| 1         |  |  |  |  |  |  |
| 2         |  |  |  |  |  |  |
| 3         |  |  |  |  |  |  |

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở: .....
2. Địa chỉ cơ sở: .....
3. Số điện thoại:..... Fax:.....
- Email:.....

**II. TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

| TT | Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày... tháng.... năm .... của ..... | Nguyên nhân sai lỗi | Biện pháp khắc phục | Kết quả |
|----|---|---------------------|---------------------|---------|
| 1  |   |                     |                     |         |
| 2  |   |                     |                     |         |
| 3  |   |                     |                     |         |
|    |   |                     |                     |         |

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)